

# Vai trò của di cư lao động vùng ven biển Quảng Trị và Thừa Thiên Huế

Lê Đăng Bảo Châu<sup>1</sup>, Trần Thị Thúy Hằng<sup>2</sup>, Nguyễn Tư Hậu<sup>3</sup>

<sup>1,2,3</sup> Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.  
Email: chau.lebao@gmail.com

Nhận ngày 15 tháng 9 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 2 năm 2020.

**Tóm tắt:** Di cư lao động có vai trò quan trọng trong chiến lược tái cấu trúc theo mô hình đa cực các hoạt động sinh kế của các hộ gia đình nông thôn vùng ven biển hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế. Di cư lao động không những được sử dụng để gia tăng các loại vốn, mà còn góp phần mở ra các cơ hội cho địa phương trong việc phát triển các nguồn lực. Di cư lao động hỗ trợ các hoạt động sinh kế của hộ gia đình tại địa phương, tạo tiền đề để xây dựng các chiến lược đầu tư phát triển sinh kế của hộ gia đình.

**Từ khóa:** Di cư lao động, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, vùng ven biển.

**Phân loại ngành:** Xã hội học

**Abstract:** Labour migration plays an important role in the restructuring strategy towards the model of multipolarity for livelihood activities of rural households in coastal areas of Quang Tri and Thua Thien Hue provinces. It not only helps the increases of types of capital, but also opens up opportunities for the localities to develop resources. Labour migration assists local household livelihood activities, paving the way to devise investment strategies for household livelihood development.

**Keywords:** Labour migration, Quang Tri, Thua Thien Hue, coastal areas.

**Subject classification:** Sociology

## 1. Mở đầu

Đa dạng hóa là xu hướng chung của các chiến lược sinh kế hộ gia đình ở nông thôn.

Để tồn tại và phát triển, bên cạnh các hoạt động sản xuất nông/ngư nghiệp (bao gồm cả trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, chế biến các sản phẩm

nông nghiệp), các hộ gia đình còn thực hành các hoạt động phi nông nghiệp tại địa phương và thông qua con đường di cư lao động. Với tư cách là một hoạt động sinh kế mang tính chiến lược, di cư lao động đóng góp rất nhiều cho các hộ gia đình nông thôn trong cải tạo, nâng cao chất lượng các loại vốn sinh kế cả ở đầu đi và đầu đến. Đặc biệt, di cư lao động đã tạo ra các cơ hội, mở ra những hướng phát triển mới cho hộ gia đình. Thông qua di cư lao động, hộ xây dựng các chiến lược sinh kế phù hợp với năng lực các nguồn vốn đầu vào của mình và biến đổi dựa vào các kết quả đầu ra của di cư lao động. Mô hình sinh kế của hộ do đó liên tục biến đổi từ đơn cực sang lưỡng cực hay đa cực rồi lại quay trở lại là đơn cực hay phân tán thành các cực tách rời. Bài viết<sup>4</sup> phân tích vai trò của di cư lao động vùng ven biển Quảng Trị và Thừa Thiên Huế dựa trên kết quả điều tra, khảo sát tại xã Hải An và Hải Khê (Quảng Trị), Quảng Công (Thừa Thiên Huế). Tổng số mẫu được khảo sát là 200 hộ gia đình có người di cư lao động và 20 mẫu phỏng vấn các đối tượng liên quan (bao gồm đại diện hộ gia đình, người đang di cư, người hồi cư và đại diện chính quyền địa phương) [3].

Với tổng số 1.059 thành viên của 200 hộ được khảo sát, có 385 người (chiếm 58%) đang di cư lao động. Loại hình di cư chủ yếu là di cư giữa các tỉnh (chiếm 66% số người đang di cư). Bên cạnh đó, di cư lao động ra nước ngoài (chiếm 27%) cũng là một lựa chọn của các hộ gia đình. Hình thức di cư ra nước ngoài chủ yếu là xuất khẩu lao động. Di cư lao động trong huyện và trong tỉnh chiếm tỷ lệ rất thấp (lần lượt là 1% và 6%). Đa số các hộ gia đình có

người di cư đều không thuộc hộ khá giả. Có 156 hộ (chiếm 78%) tự đánh giá kinh tế hộ thuộc nhóm “trung bình” và 21 hộ (chiếm 10,5%) tự đánh giá là “hộ nghèo”. Thu nhập trung bình/năm của các hộ từ các hoạt động sinh kế tại địa phương không cao (khoảng 10,5 triệu/năm). Đánh bắt hải sản là nguồn thu nhập phổ biến nhất (85 hộ). Nguồn thu nhập phổ biến thứ hai là trồng trọt (65 hộ). Có trên 50 hộ gia đình có thu nhập từ chăn nuôi, tương tự với buôn bán và dịch vụ. Hơn 1/3 hộ được khảo sát có thu nhập từ làm thuê (47 hộ). Kết quả khảo sát cho thấy, trong số 200 hộ được khảo sát, có 70% hộ gia đình nhận được tiền chuyển về từ lao động di cư trong 12 tháng gần nhất với số tiền trung bình nhận được là trên 10 triệu đồng. Có 29% hộ nhận được trên 20 triệu đồng trong lần gần nhất [3].

## **2. Vai trò của di cư lao động đối với việc tạo ra các cơ hội và nguồn vốn mới**

Các nghiên cứu về vai trò của “tiền chuyển về” đã chỉ ra những đóng góp về kinh tế của di cư lao động cho hộ gia đình ở nông thôn [4], [5], [7], [8]. Đối với các hộ gia đình trong mẫu khảo sát nhận được tiền chuyển về trong 12 tháng gần nhất, khoản thu này được sử dụng cho rất nhiều mục đích khác nhau: chi tiêu dùng cho cuộc sống hàng ngày của người ở lại (bao gồm cả sửa chữa, xây dựng nhà cửa); chi trả nợ các khoản vay; tiết kiệm để đối phó với các rủi ro trong tương lai; đầu tư cho sản xuất.

Phần lớn các hộ gia đình sử dụng tiền chuyển về để chi tiêu hàng ngày (86%), sửa chữa, xây dựng, mua sắm nhà cửa (31%). Có 17% hộ gia đình sử dụng “tiền chuyển

về” để trả nợ chi phí đầu tư ban đầu cho di cư và 46% trả các khoản nợ khác. Điều này cho thấy, di cư thật sự là một hoạt động sinh kế quan trọng, giúp gia tăng nguồn vốn vật chất của hộ gia đình, hỗ trợ và khắc phục các kết quả xấu của các chiến lược sinh kế tại địa phương cũng như mở ra các chiến lược sinh kế mới. Đánh giá về sự đóng góp kinh tế của di cư lao động đối với cộng đồng, một cán bộ xã ở Thừa Thiên Huế cho biết: Di cư lao động có những đóng góp đáng kể vào kinh tế. Ví dụ năm vừa rồi, những hộ gia đình có tiền gửi về từ di cư lao động đã tham gia đầu đất... Nuôi trồng thủy sản phát triển, nhiều hộ lãi từ 400 đến 500 triệu/năm [3].

Xét trên mặt bằng chung, rất ít hộ (28%) sử dụng tiền chuyển về để đầu tư trực tiếp cho sản xuất nông/ngư nghiệp. Giữa di cư lao động, sản xuất nông nghiệp và an ninh lương thực có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau. Khi gửi một hoặc nhiều thành viên của mình đến làm việc trong các lĩnh vực kinh tế ngoài nông nghiệp, các hộ gia đình đã gia tăng khả năng ứng phó với những cú sốc bất lợi cho hộ, giảm phụ thuộc vào các kết quả sinh kế từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp (thường phụ thuộc rất nhiều vào thiên nhiên).

Trong trường hợp có biến cố xảy ra, ví dụ như trường hợp sự cố môi trường biển Formosa (2016), di cư lao động không còn được xem như là một chiến lược sinh kế mang tính lựa chọn nữa mà trở thành một chiến lược bắt buộc. Mối quan hệ giữa di cư lao động với sản xuất nông nghiệp và an ninh lương thực trở thành mối quan hệ trực tiếp. Không có thu nhập và thiếu việc làm ở nông thôn là nguyên nhân chính của di cư, người lao động lựa chọn di cư như là con

đường duy nhất để tồn tại. Có thể thấy, đối với các hộ gia đình nghèo di cư lao động là một chiến lược sinh tồn trước khi nó trở thành cơ hội để phát triển.

Đối với các hộ nhận được số lượng tiền chuyển về lớn, cùng với thu nhập từ các hoạt động sinh kế tại địa phương, di cư lao động cho phép hộ chuyển đổi hoàn toàn sinh kế từ sản xuất nông nghiệp, khai thác tài nguyên biển sang các hoạt động phi nông nghiệp, đặc biệt là dịch vụ, du lịch. Theo đánh giá của người dân, các hoạt động này mang lại thu nhập cao hơn và ổn định hơn rất nhiều so với các hoạt động sinh kế truyền thống. Một phụ nữ ở Thừa Thiên Huế cho biết: Chừ chỉ có đổi hướng phát triển du lịch biển như sắm mấy cái xuồng nhỏ, cải tiến xuồng có phao, có nô, làm giống như chiếc tàu nhỏ để ban đêm khách du lịch họ ra nơi đây câu cá câu mực. Thứ hai nữa là trên này họ làm bờ kê để làm nhà nghỉ, nhà ai giàu có làm cái nhà nghỉ, không cần 5 sao, khoảng 3 sao thôi là có công ăn việc làm. Với lại, dạy tiếng Anh cho mấy đứa ở nhà làm cũng được. Chứ nói đi biển thì chắc cũng 15 năm nữa làm không có người làm nữa [3]. Tiền chuyển về còn được hộ gia đình sử dụng đầu tư cho sức khỏe và giáo dục. Tất cả các loại đầu tư này đều hướng đến mục đích cải thiện nguồn vốn con người, tăng năng lực sử dụng trong các chiến lược sinh kế mới.

Bên cạnh tiền chuyển về, kiến thức, kỹ năng người di cư tích lũy được bên ngoài cũng góp phần rất lớn trong việc thúc đẩy đa dạng hóa sinh kế ở cộng đồng địa phương. Những người di cư trở về mở ra các hướng sản xuất phi nông nghiệp và kinh doanh dịch vụ mới, nâng cao thu nhập của hộ gia đình, thu hút lao động nông thôn,

trực tiếp hoặc gián tiếp tác động đến cộng đồng đầu đi theo hướng tích cực. Một lao động di cư cho biết: Giờ trước mắt em sẽ qua lại, sau đó rồi tính tiếp. Trong tương lai em có tay nghề, nếu liên hệ và hợp tác được với anh em ở đây, có được nguồn ra thì có thể em sẽ quay về mở xưởng. Nếu thực sự công việc ổn thì em sẽ về [3].

Bằng cách giảm tỷ lệ thất nghiệp và cung cấp vốn đầu vào cho các chiến lược sinh kế (vốn tài chính thông qua tiền chuyển về và vốn con người, như: kỹ năng, kiến thức...), di cư góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế ở cộng đồng, thu hẹp chênh lệch về tốc độ phát triển và thu nhập giữa các vùng.

Ngoài những đóng góp trực tiếp cho các hộ gia đình, người lao động di cư còn giúp giải quyết công ăn việc làm cho lao động ở cộng đồng đầu đi bằng cách quay trở lại quê nhà tuyển dụng lao động. Họ trở thành cầu nối giữa thị trường lao động ở các đầu đến với quê hương họ.

Với sự giúp đỡ của “người điều phối”, việc di cư của người lao động được quyết định nhanh hơn và được xem là thuận lợi và an toàn. Các tác nhân (bao gồm: người lao động di cư, bố mẹ của họ và chủ lao động) vẫn thuộc một nhóm khép kín. Bằng cách này, các gia đình nông thôn một mặt đảm bảo được mối liên kết giữa các thành viên bên trong nhóm, đồng thời phát triển chiến lược mở rộng nhóm về mặt không gian, vượt ra ngoài ranh giới của các vùng nông thôn, vươn đến các đô thị sầm uất. Nghiên cứu này cũng đã chỉ ra rằng, trong trường hợp không trở thành chủ lao động, những người di cư đi trước vẫn kết nối được lao động ở địa phương với thị trường lao động ở các đầu đến qua vai trò của “người đại

diện”. Thông qua những mối quan hệ đã được thiết lập ở đầu đến, người đại diện đóng vai trò là người bảo lãnh, chịu trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ người mới đến hòa nhập với cuộc sống và công việc tại nơi đến.

Ngoài những đóng góp cho hộ gia đình ở đầu đi, kết quả khảo sát cho thấy, di cư đã giúp mang lại cho người lao động di cư một công việc, thu nhập, các kinh nghiệm thị trường, cơ hội học tập, tích lũy kiến thức, các kỹ năng cũng như cơ hội định cư tại nơi đến.

Về mặt kinh tế, di cư lao động mang lại cho người lao động di cư trong nước cơ hội tiếp cận với các công việc gắn liền với công nghiệp hóa, đô thị hóa của đất nước. Sự phát triển khu vực kinh tế phi chính thức ở đô thị đã tạo sức hút cho các luồng di cư lao động từ khu vực nông thôn. Đối với lao động di cư ra nước ngoài, di cư lao động mang lại cho họ cơ hội tạo ra thu nhập cao hơn rất nhiều so với mức thù lao họ sẽ được trả ở trong nước. Với mức thu nhập này, những người đi theo diện xuất khẩu lao động sau khi trả nợ các chi phí ban đầu cho chuyến đi, có thể tích lũy để có vốn tài chính đủ để có thể xây dựng và thực hiện các chiến lược sinh kế của cá nhân trong tương lai.

Theo kết quả khảo sát bằng bảng hỏi với 200 hộ gia đình ở khu vực nông thôn ven biển hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế, ngoài gửi tiền về cho gia đình ở nông thôn, người lao động di cư chi tiêu chủ yếu cho các nhu yếu phẩm của họ ở đầu đến (98%). Bên cạnh đó, họ còn đầu tư vào học tập (16,5%), mua nhà cửa (27,5%) và đầu tư phát triển sản xuất, khởi nghiệp tại nơi đến (16,5%). Đối với những người có đầu

tu cho học tập, mua nhà cửa hay khởi nghiệp, cơ hội định cư là rất lớn. Trong trường hợp này, hộ gia đình đã có thể thả neo ở một cực đến, tập trung đầu tư phát triển sinh kế theo hướng dịch chuyển dần lao động từ nông thôn đến thành thị hay ra nước ngoài [3].

Về mặt con người, việc gia tăng các loại vốn tài chính, vật chất tiếp diễn với những thay đổi về vốn con người và xã hội. Di chuyển địa lý đã kéo theo di chuyển xã hội. Thông qua học tập và tiếp thu kiến thức, khoa học kỹ thuật, kinh nghiệm sống, lao động di cư tận dụng được các cơ hội của thị trường. Từ vị thế là người dân nông thôn (thường bị cho là nghèo, trình độ học vấn và khoa học kỹ thuật thấp, ít di động) sau khi hội nhập xã hội tại nơi đến đã tích lũy được tất cả những đặc tính ưu việt của con người đô thị, công nghiệp. Họ hiểu biết, có kỷ luật và năng động, nhạy bén hơn với thị trường. Trong trường hợp năng lực của các loại vốn sinh kế của cá nhân và hộ gia đình đủ lớn, lao động di cư từ vị thế công nhân, làm thuê vào lúc mới đến, nay có thể trở thành chủ lao động với các năng lực mới.

### **3. Vai trò của di cư lao động trong định hướng xây dựng các chiến lược sinh kế của hộ gia đình**

Bên cạnh những đóng góp cụ thể, cải tạo và thay đổi chất lượng các loại vốn của hộ gia đình cả ở đầu đi và đầu đến, di cư lao động còn cho phép các hộ gia đình xây dựng chiến lược tái cấu trúc sinh kế theo mô hình đa cực, đa vị trí. Đối với chiến lược tập trung đầu tư phát triển sinh kế hộ tại đầu đi, đầu ra của tất cả các hoạt động sinh kế,

trong đó có di cư lao động đều được sử dụng để tái đầu tư cho chu kỳ tiếp theo của sinh kế hộ. Cùng với thu nhập tại địa phương, thu nhập từ di cư lao động được sử dụng để đóng thêm thuyền, xây dựng nhà cửa và tiết kiệm, tích lũy để tạo sinh kế mới cho người lao động di cư sau khi họ trở về. Đối với những trường hợp này, quan hệ giữa đầu đi và đầu đến, giữa người lao động di cư với gia đình, bố mẹ, họ hàng của họ ở quê hương rất khăng khít. Con cái của lao động di cư được gửi lại cho ông bà ở quê nuôi. Vì vậy họ thường xuyên về thăm nhà (hàng năm) hoặc cho con cái đi thăm họ, thường xuyên liên lạc bằng điện thoại (hàng ngày) để hỏi han và dạy bảo con cái. Mối quan hệ giữa các thế hệ vì thế rất mạnh và phụ thuộc lẫn nhau mặc dù khoảng cách về địa lý là không nhỏ. Đầu đi, cụ thể là ông bà ở nhà được xem như là điểm tựa, là nơi cắm neo giữ thăng bằng cho tất cả các cực khác của hộ gia đình đa cực.

Chiến lược tập trung đầu tư phát triển sinh kế hộ tại đầu đi được lựa chọn khi người lao động di cư không tìm thấy những cơ hội phát triển dài hạn hoặc không hội nhập được với cộng đồng ở đầu đến. Họ hầu như không có ý định định cư mà ngược lại, nỗ lực tích lũy hai loại vốn quan trọng là vốn con người và vốn tài chính để nâng cao năng lực cho lao động trong một thời hạn ngắn. Liên quan đến chiến lược sinh kế cho người lao động hồi cư, có hai trường hợp xảy ra: (i) người lao động quay trở lại với các nghề truyền thống (nông/nghề nghiệp) và (ii) đầu tư vào một nghề mới (phi nông nghiệp).

Bên cạnh những tính toán mang tính chiến lược, việc quay trở lại quê nhà làm ăn sinh sống sau một thời gian làm việc và tích

lũy các loại vốn của người lao động di cư còn có nguyên nhân từ những khó khăn, nguy hiểm trong cuộc sống hàng ngày mà họ phải đối mặt tại đầu đến. Khảo sát nhận thức của cộng đồng đầu đi về những khó khăn mà lao động di cư gặp phải khi đi làm ăn xa cho thấy, vấn đề sức khỏe và tai nạn nghề nghiệp của người lao động là khó khăn lớn nhất mà các hộ gia đình nói riêng và cộng đồng nông thôn phải đối mặt. Các nghiên cứu khác về di cư lao động ở tỉnh Thừa Thiên Huế [2, tr.10] đã chỉ ra những hậu quả mà khu vực nông thôn vùng đầm phá Tam Giang phải gánh chịu. Cụ thể là nguồn vốn con người (sức lao động) bị suy giảm và tổn hại sau khi người lao động di cư quay trở về từ các thành phố. Các bệnh họ thường gặp là bệnh về mắt và cột sống đối với những người đã từng làm việc tại các cơ sở may công nghiệp. Những trường hợp di cư sang Lào khai thác gỗ lại bị bệnh sốt rét hay thương tật suốt đời do tai nạn nghề nghiệp. Có thể thấy, trong khi đầu đến được hưởng lợi về sức lao động của người di cư thì đầu đi lại đối mặt với gánh nặng về an sinh xã hội của lao động di cư sau khi những người này quay trở về.

Bên cạnh các vấn đề về sức khỏe nói chung, các vấn đề khác như mất vốn, không được trả lương, bất an khi không hiểu biết về chính sách, pháp luật tại nơi đến và những nguy cơ đánh mất hạnh phúc gia đình khi phân tán gia đình ở các vị trí địa lý khác nhau... cũng là những lý do khiến người lao động di cư quyết định quay trở về sau một thời gian làm việc xa quê hương. Ngoài những khó khăn trên, những người được khảo sát cũng liệt kê thêm một số khó khăn khác mà lao động di cư trong gia đình họ đã và đang gánh chịu. Đó là: thu nhập

thấp không đủ chi tiêu, thiếu thốn tinh cảm, chủ lao động không tin tưởng, lo lắng về các tệ nạn xã hội.

Rất nhiều nghiên cứu về di cư lao động đã đề cập đến tính dễ bị tổn thương của người di cư tại nơi đến, đặc biệt khi người di cư là phụ nữ và trẻ em [1, tr.4]. Nghiên cứu của Actionaid đã chỉ ra rằng, trong lao động, 35% phụ nữ di cư hoặc là chưa bao giờ ký hợp đồng, hoặc chỉ đôi khi được ký hợp đồng. Do đó phụ nữ gặp các rủi ro như mất việc không được báo trước, không có bồi thường khi tan nạn lao động, không được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Bên cạnh đó, công việc của người di cư không ổn định, cường độ làm việc cao, chế độ đãi ngộ còn nhiều bất cập, bị ngược đãi tại nơi làm việc là những vấn đề mà xã hội quan tâm [1].

Thông tin từ phỏng vấn người lao động hồi cư cũng cho thấy nhà ở và điều kiện sống của lao động di cư rất tồi tàn. Người lao động luôn phải đối mặt với những nguy hiểm từ môi trường sống mất an ninh của các khu vực nhà trọ cho người di cư. Cụ thể: tình hình an ninh trật tự kém; trộm cắp, trấn lột; cơ sở hạ tầng kém là những lý do chủ yếu khiến người di cư cảm thấy không an toàn ở nơi cư trú tại đầu đến.

Khác với những người quyết định quay trở về, những người có chiến lược định cư tại nơi đến đa phần là những người được đầu tư ban đầu tốt hơn (gặp các cơ hội tốt, kết hôn và khởi nghiệp) thường thành công tại nơi đến. Đối với loại chiến lược này, hộ gia đình luôn có một hoặc những “người tiên phong” rời quê hương đi tìm các cơ hội ở nơi khác. Dựa vào kết quả sinh kế từ di cư lao động của người tiên phong, các gia đình nông thôn xây dựng chiến lược

tái cấu trúc sinh kế của mình theo hướng dịch chuyển dần lao động đến đầu đến. Nhờ vào năng lực mới của mình, người tiên phong tiếp tục đưa các thành viên khác của gia đình đến làm việc và sinh sống tại đầu đến đã được định vị. Rõ ràng là trong chiến lược sinh kế này, vốn xã hội, cụ thể là các mối quan hệ xã hội mạnh (quan hệ gia đình) đóng vai trò rất quan trọng trong xây dựng chiến lược. A. Degène và M. Forsé cho rằng: “Những mối quan hệ mạnh đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với những ai có ít hoặc không có tay nghề trong việc tìm kiếm việc làm. Sự đánh mất những mối quan hệ mạnh này sẽ cô lập người tìm việc với hầu hết cơ hội có việc nhờ vào các mối quan hệ” [9, tr.131].

#### 4. Kết luận

Dù với bất kỳ mô hình nào thì di cư lao động cũng là cầu nối giữa nông thôn với các đầu đến khác ở trong nước và cả ở nước ngoài, tạo thành một mạng lưới di cư chằng chịt với các đầu nút luôn phụ thuộc lẫn nhau. Xu hướng của các chiến lược tái cấu trúc sinh kế của các hộ gia đình nông thôn vùng ven biển hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế là vươn ra bên ngoài và đa dạng hóa các hoạt động sinh kế theo hướng phi nông nghiệp và dịch vụ.

#### Chú thích

<sup>4</sup> Bài viết này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ “Vai trò của di cư lao động trong chiến lược tái cấu trúc hoạt động sinh kế của các hộ gia đình nông thôn vùng ven biển hai tỉnh

Quảng Trị và Thừa Thiên Huế”, được tài trợ bởi Bộ Giáo dục & Đào tạo, mã số B2018-DHH-59.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Actionaid & IRC (2012), *Phụ nữ di cư trong nước, hành trình gian nan tìm kiếm cơ hội*, Luck house Graphics.
- [2] Lê Đăng Bảo Châu (2015), “Người trung gian trong mạng lưới di cư lao động trẻ em”, Tạp chí *Xã hội học*, số 3.
- [3] Lê Đăng Bảo Châu và cộng sự (2019), *Vai trò của di cư lao động trong chiến lược tái cấu trúc hoạt động sinh kế của các hộ gia đình nông thôn vùng ven biển hai tỉnh Quảng Trị và Thừa Thiên Huế*, Đề tài nghiên cứu Khoa học cấp Bộ.
- [4] Phạm Thị Thu Hương (2012), *Đánh giá tác động của lao động di cư nông thôn - đô thị tới mức sống hộ gia đình nông thôn Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu Khoa học cấp Bộ.
- [5] Trần Nguyệt Minh Thu (2013), “Vài nét về nhóm lao động di cư tự do nông thôn - đô thị trong vai trò hỗ trợ kinh tế gia đình”, Tạp chí *Xã hội học*, số 2.
- [6] Tổng cục Thống kê, Quỹ dân số Liên Hợp Quốc (2016), *Điều tra di cư nội địa quốc gia 2015: Các kết quả chủ yếu*, Nxb Thông tấn, Hà Nội.
- [7] Viện Nghiên cứu Phát triển xã hội (2011), *Từ nông thôn ra thành phố, tác động kinh tế - xã hội của di cư ở Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội.
- [8] Cortes G., Fréguin Gresh Pesche S., Guétat Bernard H., Sourisseau J. M. (2014), *Les Systèmes Familiaux Multi-localisés: un modèle d'analyse original des ruralités aux Suds*, Document de travail ART- Dev.
- [9] Degene A., Forsé M. (2004), *Les réseaux sociaux*, Armand Colin, Paris.